TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đào Khel.
2. Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lịnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/01/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Sơn Minh S, sinh năm 1997 (có đơn xin xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.
* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Khánh T. Văn phòng Luật sư Nguyễn Khánh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).
Địa chỉ: Số A đường P, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng
2. Bị đơn: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1999 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số B đường P, khóm D, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Sơn Minh S trình bày: Năm 2016 ông S và bà Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 10/02/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không còn hợp với nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2022 đến nay. Trong thời gian chung sống, ông S và bà T có một con chung là Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017 hiện đang chung sống với bà T. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay ông S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Ông S yêu cầu được ly hôn với bà T. Về con chung: Ông S đồng ý giao con chung Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông S đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000 đồng, định kỳ vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thanh T, nhưng bà T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông S, đồng thời cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như không tham phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Khánh T trình bày: Yêu cầu Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Trần Thanh T, nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Minh S, nhận thấy năm 2016 ông S và bà Trần Thanh T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 ngày 10/02/2022. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không còn hoà hợp như trước đây, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông S, bà T đã không còn chung sống từ cuối năm 2022 đến nay. Hiện ông S nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà T nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã động viên ông S suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, nhưng ông S vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông S được ly hôn với bà T.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông S và bà T có một con chung là Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017, hiện đang chung sống với bà T. Ông S đồng ý giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông S

đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, định kỳ vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu H hiện đang chung sống với bà T, để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông S, giao con chung là Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ông S không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đồng ý tự nguyện cấp dưỡng con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, định kỳ vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Khánh T yêu cầu Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sơn Minh S.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Sơn Minh S được ly hôn với bà Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung là Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017 cho bà Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Sơn Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Sơn Anh H, sinh ngày 13/12/2017. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), định kỳ vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, thời gian cấp

dưỡng tính từ tháng 4 năm 2023 đến khi Sơn Anh H đủ 18 tuổi. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Sơn Minh S được quyền thăm nom con chung là Sơn Anh H theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Ông Sơn Minh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Sơn Minh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Sơn Minh S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền ứng án phí ông S đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000985, ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Sơn Minh S còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

Bà Trần Thanh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND TPST;
- UBND xã K, h. P, tỉnh ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh